

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Phạm Xuân Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; HKTT: ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp A2, xã A3, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn do mai mối. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/7/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi chị sinh con thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

anh T không quan tâm, chăm sóc, không phụ giúp, chia sẻ với chị trong cuộc sống, kinh tế, nuôi con, mọi thứ đều do chị tự lo. Do đó, chị và con trai đã về sống tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp A2, xã A3, huyện M, tỉnh Bến Tre nhưng giữa vợ chồng cũng còn lui tới, thăm hỏi. Đến tháng 6 năm 2015, chị và anh T chính thức sống ly thân cho đến nay, không còn liên hệ, không quan tâm lẫn nhau, không có gặp gỡ để bàn bạc, hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 07/3/2006, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. Về hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 07/3/2006, giao cho chị M được trực tiếp nuôi, ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M có quyền khởi kiện

theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/7/2001. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị M và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn một phần do anh chị kết hôn chưa có sự tìm hiểu trước nên dẫn đến tính tình không hợp nhau, anh chị thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến bất mãn. Chị M và anh T đã sống ly thân kéo dài mà không có biện pháp hàn gắn, bỏ mặc mâu thuẫn xảy ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến Tòa tham gia hòa giải để tìm cách động viên, khắc phục mâu thuẫn cho anh chị nhưng anh T đều không đến, chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị M vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 07/3/2006, hiện đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu sau khi ly hôn, con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu T1 đã ở chung với chị M từ trước đến nay, đang sinh sống, phát triển ổn định, cháu T1 cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ, anh T không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 07/3/2006, giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, anh Nguyễn Văn T không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, anh Nguyễn Văn T không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí đối với yêu cầu ly hôn: chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân